

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 06/8/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Thắng;
2. Bà Lê Hiếu Xuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Bà Phạm Thị Ngọc B**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt.

* *Bị đơn:* **Bà Lý Thị L (D)**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

- Bà Trương Thị Tú U, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Triệu Ngọc S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

(Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc B trình bày:

Bà có tham gia 01 dây hụi do bà Lý Thị L (Dòn) làm chủ hụi, cụ thể dây hụi khai ngày 16/11/2019, gồm có 30 phần, hụi 2.000.000đồng/ tháng, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà tên là “5 V”. Hụi hoạt động được 11 tháng thì bất ngờ gián đoạn 01 tháng do bà L vắng mặt, sau đó hụi tiếp tục hoạt động thêm 03 tháng nữa thì ngưng đến nay. Tổng cộng, bà đã đóng được 14 lần cho bà L với số tiền là 28.000.000đồng thì hụi ngưng tới nay. Bà L có xin bà được trả lại số tiền 14.000.000đồng, trả dần mỗi mùa 2.000.000đồng và bà L có ký biên nhận nợ cho bà vào ngày 29/12/2023 (ÂL) nhưng trong biên nhận không để ngày tháng năm. Tuy nhiên, đến nay bà L không thực hiện trả như cam kết nên bà khởi kiện yêu cầu bà L trả lại cho bà số tiền 28.000.000 đồng. Nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lý Thị L (D) có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất thêm.

* Bị đơn bà Lý Thị L (Dòn) đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Trương Thị Tú U trình bày: Bà không có quan hệ bà con gì với bà L2, bà Đ, bà B, và bà L (D) là chủ hụi chơi chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng. Trong sổ hụi bà tên là “B1”. Bà đóng được 14 lần thì bà L ngưng khai hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi, các hụi viên đóng tiền cho bà L (D) hoặc cho con của bà L không có ký nhận.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Triệu Ngọc S trình bày: Bà không có quan hệ bà con gì với bà L2, bà Đ, bà B. Bà chỉ chơi

chung dây hụi do bà L làm chủ hụi. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hụi bà tên là “5 D1” còn bà B, bà L2 và bà Đ chơi chung, tên trong sổ hụi của mấy bà, bà không nhớ tên gì. Bà đã hốt và bà L chủ hụi giao cho bà số tiền 14.000.000đồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà không có quan hệ bà con gì với bà L2, bà Đ, bà B, bà chỉ chơi hụi chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hụi bà tên là “Chị K” còn bà Đ, bà L2 và bà Bích c chung, tên trong sổ hụi của mấy bà, bà không nhớ tên gì. Bà đóng được 14 lần thì bà L ngưng khai hụi. Còn 16 lần chưa hốt trong đó có bà L2, bà Đ và bà B.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Trần Thị L1 trình bày: Bà không có quan hệ bà con gì với bà L2, bà Đ, bà B, bà chỉ chơi hụi chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hụi bà tên là “Lắm” còn bà Đ là “4 Vào”, bà L2 là “2 C” và bà B là “V”. Bà đóng được 14 lần thì bà L ngưng khai hụi. Còn 16 lần chưa hốt trong đó có bà Đ, bà L2 và bà B.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Bà không có quan hệ bà con gì với bà L2, bà Đ, bà B, bà chỉ chơi hụi chung. Bà có tham gia 02 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hụi bà tên là “Mum” còn bà Đ là “Vào”, bà L2 là “2 C” và bà B là “5 V”. Bà đóng được 14 lần thì bà L ngưng khai hụi. Còn 16 lần chưa hốt trong đó có bà Đ, bà L2 và bà B.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà B trình bày bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 14.000.000đồng.

Bà L vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L trả cho bà B số tiền nợ hụi là 14.000.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đình

chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền 14.000.000đồng. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hội được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Lý Thị L (Dòn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L.

[1.3] Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà B tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà L (D) trả cho bà số tiền 14.000.000đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng hội:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã cung cấp cho Tòa án sổ hội trong đó thể hiện dây hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 16/11/2019, có 30 phần, bà B chơi 01 phần với tên gọi là “5 V”. Dù sổ hội không có tên chủ hội nhưng qua thẩm tra thì lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của người làm chứng cùng tham gia chơi hội chung, có cơ sở xác định giữa bà B và bà L (D) có xác lập hợp đồng hội, loại hội có lãi và hội hưởng hoa hồng, bà L (D) là chủ hội, bà B là hội viên. Hợp đồng hội này của bà B và bà L (D), là giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 3 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn bà Trần Thị B2:

Nguyên đơn bà B2 khẳng định đã đóng đầy đủ 14 lần hội sống cho chủ hội bà L (D) với tổng số tiền là 14.000.000đồng, chưa được hốt hội thì bà L (D) đã ngưng khai hội và cung cấp được biên nhận thừa nhận nợ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ biên nhận nợ của bà Lý Thị L (D), lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng, thể hiện hiện nay bà L còn nợ bà B2 số tiền 14.000.000đồng. Bên cạnh đó, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn bà L (D) không có ý kiến gì đối với yêu cầu và chứng cứ của bà B2 đưa ra nên việc bà L (D) có nợ bà B2 số tiền hội là 14.000.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh.

Xét thấy, bà L (D) là chủ hội sau khi thu tiền hội của hội viên đã tự ý ngưng khai hội, trốn tránh trách nhiệm của chủ hội. Do đó, việc bà B2 khởi kiện yêu cầu bà L (D) trả số tiền 14.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy số tiền nợ hội bị đơn bà L (D) phải trả cho bà B2 là 14.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 3, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền hội 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc B đối với bị đơn bà Lý Thị L (D):

Buộc bị đơn bà Lý Thị L (D) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc B số tiền nợ hội là 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lý Thị L (D) phải nộp 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc B không phải chịu án phí nên được nhận lại 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013452 ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Mai Thị Vân